Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9031.49.30

Mã HS	9031.49.30
Mô tả hàng hóa	Máy, thiết bị và dụng cụ đo lường hoặc kiểm tra, chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi khác trong Chương này; máy chiếu biên dạng / - Các thiết bị và dụng cụ quang học khác: / - - Loại khác: / - - - Dụng cụ và thiết bị quang học khác để đo hoặc kiểm tra tấm mạch in/tấm dây in và mạch in đã lắp ráp
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	04/11/2026 02:48:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90314930/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18241
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18241
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18241
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17568
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17497
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17497
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17497
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17497
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17497
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17497
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17553
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17553
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17553
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17553

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17553
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17553
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17554
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17554
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17554
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17554
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17554
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17554
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17559
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17515
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17511
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17511
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17511
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17511
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17511
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17511
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17557
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17557
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17557
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17557
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17557
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17557
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17619
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17619
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17619
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17619

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17619
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17619
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17595
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17595
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17595
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17595
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17595
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17595
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17590
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17590
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17590
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17590
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17590
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17590
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17620
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17620
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17620
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17620
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17620
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17620
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17619
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17619
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17619
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17619
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17619
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17619

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17713
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17713
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17713
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17713
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17713
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17713
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17713
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17582
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17582
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17582
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17582
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17582
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17582
RCEP B	2022	2022	0	B!D17582
RCEP B	2023	2023	0	B!E17582
RCEP B	2024	2024	0	B!F17582
RCEP B	2025	2025	0	B!G17582
RCEP B	2026	2026	0	B!H17582
RCEP B	2027	2027	0	B!I17582
RCEP C	2022	2022	0	C!D17580
RCEP C	2023	2023	0	C!E17580
RCEP C	2024	2024	0	C!F17580
RCEP C	2025	2025	0	C!G17580
RCEP C	2026	2026	0	C!H17580
RCEP C	2027	2027	0	C!I17580
RCEP D	2022	2022	0	D!D17579

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17579
RCEP D	2024	2024	0	D!F17579
RCEP D	2025	2025	0	D!G17579
RCEP D	2026	2026	0	D!H17579
RCEP D	2027	2027	0	D!I17579
RCEP E	2022	2022	0	E!D17583
RCEP E	2023	2023	0	E!E17583
RCEP E	2024	2024	0	E!F17583
RCEP E	2025	2025	0	E!G17583
RCEP E	2026	2026	0	E!H17583
RCEP E	2027	2027	0	E!I17583
RCEP F	2022	2022	0	F!D17582
RCEP F	2023	2023	0	F!E17582
RCEP F	2024	2024	0	F!F17582
RCEP F	2025	2025	0	F!G17582
RCEP F	2026	2026	0	F!H17582
RCEP F	2027	2027	0	F!I17582
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16483
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16483
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16483
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16483

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9031.49 có 4 dòng thuế; dòng 9031.49.30 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dụng cụ và thiết bị quang học khác để đo hoặc kiểm tra tấm mạch in/tấm dây in và mạch in đã lắp ráp.	9031.49.10 Dụng cụ và thiết bị quang học để đo độ nhiễm bẩn bề mặt của các vi mạch bán dẫn; 9031.49.20 Thiết bị quang học để xác định và sửa lỗi cho tấm mạch in/tấm dây in và mạch in đã lắp ráp; 9031.49.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9031.49.30. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9031.49.30 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18241), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.